



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA-RƯỢU-NGK SÀI GÒN (SABECO)**  
Số 6 Hai Bà Trưng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (08) 3829 4081 Fax: (08) 3829 6856  
Website: [www.sabeco.com.vn](http://www.sabeco.com.vn) Email: [sabeco@sabeco.com.vn](mailto:sabeco@sabeco.com.vn)  
GCN ĐKKD số: 0300583659 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP HCM cấp ngày 28/11/2012

TÀI LIỆU ĐƯỢC KIỂM SOÁT

## YÊU CẦU KỸ THUẬT GẠO

Ký hiệu tài liệu: BSG-BKT/YCKT-02

Lần phát hành: 02 Tổng số trang: 03  
Ngày phát hành: 15/02/2016

Phê duyệt: **NGUYỄN THÀNH NAM**  
Chức vụ: **TUQ. Tổng Giám đốc**  
**P. Tổng Giám đốc**

Xem xét: **TRƯƠNG HÙNG DŨNG**  
Chức vụ: **Q. Trưởng Ban Kỹ Thuật**

	<b>YÊU CẦU KỸ THUẬT GAO</b>	<i>Ký hiệu tài liệu</i>	BSG-BKT/YCKT-02	<b>TÀI LIỆU</b>	
		<i>Lần phát hành:</i>	02		Ngày: 15/02/2016
		<i>Lần sửa đổi:</i>	00		Ngày:
		<i>Trang</i>			2/3

TÀI LIỆU ĐƯỢC

**I. YÊU CẦU KỸ THUẬT:**

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn	Phương pháp phân tích
1	Độ ẩm	%	≤ 14,5	Theo phương pháp của Sabeco
2	Tạp chất	%	≤ 0,05	
3	Tỉ lệ tấm	%	≤ 25	
4	Tỉ lệ tấm nhỏ	%	≤ 2	
5	Tỉ lệ hạt nguyên	%	≥ 40	
6	Ngoại quan		Không ẩm mốc, sâu mọt, mùi lạ	

**II. ĐIỀU KIỆN TỔNG QUÁT:**

- Xuất xứ: Việt Nam.
- Sản xuất gạo: từ lúa tẻ.
- Hàng phải được xác nhận chất lượng của Phòng Kiểm nghiệm Chất lượng nhà máy.

**III. QUI CÁCH BAO BÌ:**


- Gạo được đóng trong bao bì PP.
- Tình trạng bao bì: nguyên bao.
- Trọng lượng tịnh: 50 kg/bao.

**IV. YÊU CẦU VỀ VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM:**

**1. Chỉ tiêu vi sinh vật:**

Stt	Loại vi sinh vật	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa
1	Tổng số VKHK	kl/g	10 <sup>6</sup>
2	Coliforms	kl/g	10 <sup>3</sup>
3	E. Coli	kl/g	10 <sup>2</sup>
4	S. Aureus	kl/g	10 <sup>2</sup>
5	Cl. Perfringens	kl/g	10 <sup>2</sup>
6	B. Cereus	kl/g	10 <sup>2</sup>
7	TSBTNM-M	bt/g	10 <sup>3</sup>

**Ghi chú:** Xem mục 6.5.1 trang 61, Quyết định 46/2007/QĐ-BYT.

	<b>YÊU CẦU KỸ THUẬT GẠO</b>	<i>Ký hiệu tài liệu</i>	BSG-BKT/YCKT-02
		<i>Lần phát hành:</i> 02	Ngày: 15/02/2016
		<i>Lần sửa đổi:</i> 00	NG KIỂM SOÁT
		<i>Trang</i>	3/3

**KIỂM SOÁT**

**2. Chỉ tiêu kim loại nặng:**

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa
1	Arsen (As)	mg/kg	1,0
2	Chì (Pb)	mg/kg	0,2
3	Cadimi (Cd)	mg/kg	0,4

**Ghi chú:** Xem phần II, mục 19 và 20 QCVN 8-2:2011/BYT.

**3. Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật:**


Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa
1	2,4 - D	mg/kg	0,1
2	Bentazone	mg/kg	0,1
3	Carbaryl	mg/kg	1
4	Chlopyrifos	mg/kg	0,1
5	Chlopyrifos – methyl	mg/kg	0,1
6	Diquat	mg/kg	10
7	Disulfoton	mg/kg	1
8	Endosufan	mg/kg	0,1
9	Fentin	mg/kg	0,1
10	Glyphosate	mg/kg	0,1
11	Paraquat	mg/kg	10

**Ghi chú:** Xem trang 231 ÷ 232, Quyết định 46/2007/QĐ-BYT.

**4. Độc tố vi nấm:**

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa
1.	Aflatoxin B <sub>1</sub>	µg/kg	5
2.	Aflatoxin tổng số	µg/kg	10
3.	Ochratoxin	µg/kg	5
4.	Deoxynivalenol	µg/kg	1.250
5.	Zearalenone	µg/kg	100

**Ghi chú:** Xem phần II, mục 1.12, 2.1, 4.2, 6.1 QCVN 8-1:2011/BYT.

	<b>YÊU CẦU KỸ THUẬT GẠO</b>	<i>Ký hiệu tài liệu</i>	BSG-BKT/YCKT-02
		<i>Lần phát hành:</i> 02	Ngày: 15/02/2016
		<i>Lần sửa đổi:</i> 00	Ngày:
		<i>Trang</i>	1 / 1


**TÌNH TRẠNG SỬA ĐỔI ▲**

Ngày/tháng/năm	LPH	LSD	Tóm tắt sửa đổi
15/02/2016	02		2016 Thay đổi định dạng L1 Ký hiệu tài liệu: BSG-BKT-TH/YCKT-02

**ĐẠI DIỆN LÃNH ĐẠO**

  
\_\_\_\_\_

**NGƯỜI LẬP**

  
\_\_\_\_\_